

Số: /SGDDĐT- GDTTrH
V/v cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp
10 kể từ năm học 2021-2022

Bình Phước, ngày tháng năm 2020

Kính gửi:

- Các phòng giáo dục và đào tạo;
- Các trường trung học phổ thông;
- Các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Sở Giáo dục và Đào tạo công bố cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 kể từ năm học 2021-2022.

Quy ước: “Môn chung” là môn mà tất cả các thí sinh dự thi vào lớp 10 phải dự thi (kể cả dự thi vào các trường chuyên và không chuyên). “Môn chuyên” là môn do thí sinh đăng ký dự thi vào lớp 10 của trường chuyên.

I. MÔN TOÁN

1.1. Toán chung

Thời gian làm bài: 120 phút

Câu 1.

- Các phép tính và các phép biến đổi đơn giản về căn bậc hai.
- Rút gọn và tính giá trị biểu thức đại số.

Câu 2.

- Hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai. Tương giao giữa đường thẳng và đường thẳng, giữa đường thẳng và parabol.
- Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.

Câu 3.

- Định lí Vi-ét và ứng dụng. Phương trình quy về phương trình bậc hai.
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình bậc hai.

Câu 4.

- Bài toán thực tế đơn giản liên quan đến hệ thức lượng trong tam giác vuông.

Câu 5. Bài toán tổng hợp về đường tròn.

- Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.
- Chứng minh tứ giác nội tiếp.
- Các mối liên hệ giữa tiếp tuyến và dây cung.

1.2. Môn Toán chuyên.

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1.

- + Rút gọn biểu thức chứa căn
- + Tính giá trị của biểu thức chứa căn
- + Chứng minh một biểu thức có điều kiện

Câu 2. Giải phương trình và hệ phương trình

1. Giải phương trình

- Phương trình bậc hai chứa tham số và một số vấn đề về nghiệm sử dụng định lý Viet

- + Chứng minh phương trình bậc hai có nghiệm (vô nghiệm)
- + Tìm điều kiện để phương trình bậc hai có nghiệm: 1 nghiệm, 2 nghiệm
- + Xét dấu các nghiệm của phương trình bậc hai
- + Tìm hệ thức liên hệ giữa hai nghiệm không phụ thuộc vào tham số
- + Tìm điều kiện để phương trình bậc hai có hai nghiệm thỏa mãn một hệ thức đối với hai nghiệm

- + Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức chứa hai nghiệm
- + Tìm điều kiện để hai phương trình có nghiệm chung
- + Tìm điều kiện để hai phương trình tương đương
- + Tìm điều kiện để phương trình có nghiệm nguyên
- + Quan hệ giữa các nghiệm của hai phương trình bậc hai
- Phương trình trùng phương: $ax^4 + bx^2 + c = 0$, ($a \neq 0$)
- + Điều kiện để phương trình có: 1 nghiệm, 2 nghiệm, 3 nghiệm, 4 nghiệm
- + Tìm điều kiện để phương trình có 4 nghiệm $x_1 < x_2 < x_3 < x_4$ thỏa một hệ thức

- Phương trình bậc 3:

Bài toán liên quan đến số nghiệm của phương trình bậc 3

- Một số phương trình hữu tỉ quy về bậc hai

- Phương trình vô tỉ

- + Phương pháp biến đổi tương đương
- + Phương pháp đặt ẩn phụ
- + Đặt ẩn phụ đưa về phương trình hữu tỉ
- + Đặt ẩn phụ đưa về hệ phương trình
- + Phương pháp nhân lượng liên hợp
- + Nhóm tổng bình phương

2. Hệ phương trình

- + Hệ phương trình bậc nhất chứa tham số
- + Hệ đối xứng loại I, loại II
- + Hệ phương trình đặt ẩn phụ đưa về hệ đối xứng
- + Hệ phương trình giải bằng phương pháp thế, cộng
- + Hệ phương trình đẳng cấp
- + Hệ phương trình đồng bậc

3. Hàm số: Hàm số bậc hai $y = ax^2$ (P)

+ Bài toán về sự tương giao giữa (P) và đường thẳng (d) $y = kx + b$

+ Điều kiện để (d) tiếp xúc với (P)

+ Điều kiện để (d) cắt (P) tại hai điểm phân biệt $A(x_A; y_A)$, $B(x_B; y_B)$ thỏa hệ thức về $x_A; x_B$

Câu 3. Số học

- Chứng minh chia hết

- Các bài toán về số chính phương: tính chất cơ bản về số chính phương

- Các bài toán về số nguyên tố

- Giải phương trình nghiệm nguyên

+ Phương trình nghiệm nguyên đưa về dạng: $A(x,y).B(x,y) = a$ với $a \in \mathbb{Z}$

+ Phương trình nghiệm nguyên giải bằng phương pháp giới hạn miền nghiệm

+ Phương trình nghiệm nguyên giải bằng phương pháp dùng tính chất của số

chính phương, tính chất chia hết và chia có dư.

Câu 4. Hình học

- Các bài toán chứng minh
 - + Chứng minh tam giác đồng dạng, tứ giác nội tiếp
 - + Ba điểm thẳng hàng, 3 đường thẳng đồng quy, đi qua điểm cố định,...
 - + Chứng minh vuông góc, chứng minh song song
 - + Chứng minh tiếp tuyến,...
 - + Chứng minh đẳng thức
- Các bài toán về tính toán: Tính độ dài, diện tích
- Bài toán về cực trị hình học

Câu 5

- Bất đẳng thức
 - + Bất đẳng thức biến đổi tương đương
 - + Bất đẳng thức sử dụng bất đẳng thức Côsi, Bunhiacopski
 - + Bất đẳng thức sử dụng các bất đẳng thức phụ thường gặp
- Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất
 - + Tìm GTLN, GTNN bằng phương pháp nhóm bình phương
 - + Tìm GTLN, GTNN bằng phương pháp dùng bất đẳng thức
- Bài toán tổ hợp (sử dụng nguyên lý Dirichle, nguyên lý cực hạn)

II. MÔN VẬT LÝ

Thời gian: 60 phút (100% trắc nghiệm)

Phần điện: 45%

Phần từ : 20%

Phần quang: 30%

Phần năng lượng: 5%

Tỉ lệ: nhận biết – thông hiểu: 60% ; Vận dụng: 30% ; vận dụng cao: 10%

III. MÔN HÓA HỌC

Thời gian: 60 phút (100% trắc nghiệm)

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Vô cơ: <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tử, mol dung dịch - Phản ứng hóa học, điều chế, ứng dụng. - Thí nghiệm. 	12	8	9	1
Hữu cơ: <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương hữu cơ. - Hidrocarbon. - Rượu etylic, axit axetic, este – chất béo, carbohydrat. 	4	3	2	1

IV. MÔN SINH HỌC

Thời gian: 60 phút (100% trắc nghiệm)

TT	Nội dung/Chủ đề	Mức độ nhận thức			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Các thí nghiệm của	02 câu	02 câu	01 câu	01 câu

	menden	(0,5 điểm)	(0,5 điểm)	(0,25 điểm)	(0,25 điểm)
2	Nhiễm sắc thể	03 câu (0,75 điểm)	01 câu (0,25 điểm)	01 câu (0,25 điểm)	01 câu (0,25 điểm)
3	AND và gen	02 câu (0,5 điểm)	02 câu (0,5 điểm)	01 câu (0,25 điểm)	01 câu (0,25 điểm)
4	Biến dị	02 câu (0,5 điểm)	02 câu (0,5 điểm)	01 câu (0,25 điểm)	01 câu (0,25 điểm)
5	Sinh vật và môi trường	04 câu (1 điểm)	01 câu (0,25 điểm)	01 câu (0,25 điểm)	
6	Hệ sinh thái	02 câu (0,5 điểm)	02 câu (0,5 điểm)	02 câu (0,5 điểm)	
7	Con người, dân số và môi trường	01 câu (0,25 điểm)	02 câu (0,5 điểm)	01 câu (0,25 điểm)	
Tổng cộng		16 câu (4 điểm)	12 câu (3 điểm)	08 câu (2 điểm)	04 câu (1 điểm)

V. MÔN VĂN HỌC

V.1. Môn Ngữ Văn đề chung

Thời gian làm bài: 120 phút.

Phần I: Đọc hiểu văn bản

- Văn bản: Đưa ra một ngữ liệu, ngữ liệu đó có thể nằm trong hoặc ngoài chương trình nhưng kiến thức sẽ phù hợp với chương trình, đối tượng học sinh.

- Số lượng câu hỏi: 03 câu ở 03 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng).

Phần II: Làm văn gồm 02 câu

- Câu 1: Viết 1 đoạn văn nghị luận xã hội bám sát vào chủ đề của đoạn đọc hiểu.

- Câu 2: Viết 1 bài văn nghị luận văn học (1 bài thơ, 1 đoạn thơ, 1 tác phẩm truyện...).

V.II. Môn Ngữ Văn đề chuyên

- Thời gian làm bài 150 phút.

- Cấu trúc đề gồm 02 phần:

Phần 1: Nghị luận xã hội.

Phần 2: Nghị luận văn học.

VI. MÔN LỊCH SỬ

- Hình thức: Trắc nghiệm khách quan, số lượng: 40 câu.

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Nội dung: Chương trình Lịch sử lớp 9.

- Mức độ: Nhận biết: 40 %; thông hiểu: 40 %, vận dụng: 20%.

1. Phần lịch sử thế giới: 12 câu.

- Chủ đề Liên xô và các nước Đông Âu: Công cuộc khôi phục kinh tế.

- Chủ đề các nước Á, Phi, Mỹ Latinh từ năm 1945 đến nay.

- Chủ đề Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản từ năm 1945 đến nay: Kinh tế.

- Chủ đề quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay (bài 11).

- Chủ đề cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật từ năm 1945 đến nay (bài 12).

2. Phần Lịch sử Việt Nam: 28 câu.

- Chủ đề Việt Nam trong những năm 1919-1930: Bài 16, 17 (IV).

- Chủ đề Việt Nam trong những năm 1930-1939: bài 18, bài 19 (II), bài 20.
- Chủ đề: Cuộc vận động tiến tới CMT8 năm 1945: Bài 22 (I, II), bài 23.
- Chủ đề Việt Nam sau cách mạng tháng Tám đến kháng chiến toàn quốc: Bài 24.
- Chủ đề Việt Nam từ cuối năm 1946 đến năm 1954: bài 25 (I, IV), bài 26 (I), bài 27.
- Chủ đề Việt Nam từ 1954 đến 1975: Phong trào Đồng Khởi, chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh; nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm.
- Chủ đề Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000: đường lối đổi mới năm 1986.

VII. MÔN ĐỊA LÍ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan với 40 câu
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- * Nội dung ôn tập: Toàn bộ phần Địa lí Việt Nam (thuộc chương trình Địa lí lớp 8, lớp 9 nhưng chủ yếu là lớp 9), cụ thể:
 - Địa lí tự nhiên Việt Nam (*trong chương trình Địa lí lớp 8*). Tập trung vào các bài:
 - + Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam.
 - + Đặc điểm địa hình Việt Nam; Đặc điểm các khu vực địa hình.
 - + Đặc điểm khí hậu Việt Nam; Các mùa khí hậu và thời tiết nước ta.
 - + Đặc điểm sông ngòi Việt Nam; Các hệ thống sông lớn ở nước ta.
 - Địa lí dân cư, Địa lí kinh tế, Sự phân hóa lãnh thổ (*trong chương trình Địa lí lớp 9*).
- * Ma trận đề:

Nội dung	Số câu của các mức độ nhận thức				Điểm, số câu hàng ngang
	Biết	Hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Địa lí tự nhiên	4	2	1	1	Số câu: 8 Điểm: 2 Tỉ lệ: 20%
Địa lí dân cư	2	1	1		Số câu: 4 Điểm: 1 Tỉ lệ: 10%
Địa lí kinh tế	4	3	2	1	Số câu: 10 Điểm: 2,5 Tỉ lệ: 25%

Sự phân hóa lãnh thổ	7	6	3	2	Số câu: 18 Điểm: 4,5 Tỉ lệ: 45%
Điểm, số câu hàng dọc	Số câu: 17 Điểm: 4,25 Tỉ lệ: 42,5%	Số câu: 12 Điểm: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 7 Điểm: 1,75 Tỉ lệ: 17,5%	Số câu: 4 Điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	

*** Lưu ý:**

- Phần Địa lí tự nhiên (8 câu, 2 điểm) chiếm 20%: Toàn bộ là lí thuyết.
- Phần Địa lí dân cư, Địa lí kinh tế, Sự phân hóa lãnh thổ (32 câu, 8 điểm) chiếm 80%, được phân bổ như sau:
 - + 30% (với 12 câu, 3 điểm) liên quan đến kỹ năng Atlas, bảng số liệu, biểu đồ.
 - + 50% (với 20 câu, 5 điểm) là lí thuyết.
- Bám sát chuẩn kiến thức - kỹ năng khi ôn tập, ra đề thi.
- Không ra đề trong phần giảm tải.

VIII. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Hình thức: Trắc nghiệm
- Số lượng câu hỏi: 40 câu (mỗi câu 0.25 điểm)
- Tỉ lệ cấp độ tư duy: 35 % nhận biết, 35% thông hiểu, 30% vận dụng (20 % vận dụng thấp, 10 % vận dụng cao)
- Nội dung kiến thức:
 - Lớp 8: 20 % (8 câu): 4 câu bài 13: Phòng chống tệ nạn xã hội, 4 câu bài 21: Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lớp 9: 80 % (32 câu) thuộc nội dung 16 bài học trong chương trình GDCCD lớp 9(từ bài 1 đến bài 18, trừ 2 bài 10 và 11 giảm tải).

IX. MÔN TIẾNG ANH

1. Tiếng Anh chung

- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Trắc nghiệm: (6 điểm)
 - + Ngữ âm (Pronunciation): 3 câu/0.75 điểm.
 - + Ngữ pháp (Grammar): 6 câu/1.5 điểm.
 - + Cấu trúc (Structures) :4 câu/1.0 điểm.
 - + Communication: 2 câu/0.5 điểm.

- + Điền khuyết (Guided cloze): 6 câu/1.5 điểm.
- + Tìm lỗi sai (Error identification): 3 câu/0.75 điểm.
- Phần tự luận: (4 điểm)
- + Dạng thức từ (Word form): 4 câu/1.0 điểm. (1 câu động từ, 1 danh từ, 1 tính từ, 1 trạng từ)
- + Đọc hiểu (True – False): 4 câu/1.0 điểm.
- + Viết : 4 câu/2.0 điểm.
- ++ Sentence transformation : 2 câu/1.0 điểm.
- ++ Combination : 2 câu/1.0 điểm.

2. Tiếng Anh chuyên

Thời gian làm bài: 150 phút

*** Phần kiến thức ngôn ngữ**

- Trắc nghiệm kiến thức ngôn ngữ: (3.0đ/ 30 câu - 0,1đ/ câu)

- + Phonetics / Stress: (4 câu)
- + Language Function: (4 câu).
- + Synonym + Antonym: (4 câu).
- + Lexical – Grammar: (18 câu).

- Tự luận kiến thức ngôn ngữ (1,5 đ)

- + Word form: (0.5đ/ 10 câu).
- + Error Identification: (0.5 đ / đoạn văn 5 lỗi)
- + Preposition and Phrasal Verbs: (0.5đ/ 10 câu).

*** Phần kỹ năng ngôn ngữ**

- Nghe: (1.5đ/15 câu - 0.1đ/câu)

- + Trắc nghiệm (5 câu)
- + Điền vào chỗ trống (5 câu) có qui định số từ
- + True - False (5 câu)

- Đọc hiểu: (2.0đ/20 câu - 0,1đ/ câu)

- + Guided cloze test (6 câu)
- + Open cloze test (6 câu)
- + Reading Comprehension (8 câu)

*** Writing (2.0đ)**

- Sentence transformation (5 câu) trong đó 3 câu có từ khóa (1đ)
- Writing a paragraph (100 - 150 từ): Chủ đề trong chương trình THCS (1đ)

Trên đây là cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10, Sở Giáo dục và đào tạo đề nghị các đơn vị thông báo cho học sinh biết và định hướng ôn tập cho học sinh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH.

GIÁM ĐỐC

